TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Nhặc.

2. Ông Nguyễn Văn Hết.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm: 1984.

Đăng ký thường trú: Ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TT, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Thanh H, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Bùi Thanh H tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 02/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/3/2018. Sau khi thành hôn, chị về sống cùng với gia đình của anh H tại ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Từ tháng 6/2021, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm về cuộc sống, anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh H ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, anh chị không gặp nhau nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung tên Bùi Hoàng V, sinh ngày: 05/6/2019 và Bùi Hoàng N, sinh ngày: 18/5/2021. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con; chị yêu cầu anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 01 tháng 3 năm 2023, anh Bùi Thanh H trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Trần Thị Bích T về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, đôi lúc anh chị cũng có mâu thuẫn và cãi nhau nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng, mỗi lần cãi nhau chị T thường về nhà cha mẹ ruột sống. Từ tháng 12/2022 đến nay, chị T về sống cùng cha mẹ ruột tại ấp TT, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre. Do con của anh chị còn nhỏ, anh vẫn còn yêu thương chị T và mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung như chị T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao con chung là cháu Bùi Hoàng N, sinh ngày: 18/5/2021 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng cho con. Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Hoàng V, sinh ngày: 05/6/2019, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Bùi Hoàng V, sinh ngày: 05/6/2019 và Bùi Hoàng N, sinh ngày: 18/5/2021. Chị T được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Hoàng N,

ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H được quyền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Hoàng V, ghi nhận anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Bùi Thanh H có nơi cư trú tại ấp TĐ, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Trần Thị Bích T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Thanh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị Bích T, anh Bùi Thanh H theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Bùi Thanh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/3/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống nên anh chị thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12/2022 đến nay, chị T và anh H sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh H cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đôi lúc anh chị có cãi nhau nhưng mâu thuẫn giữa anh chị chưa đến mức trầm trọng. Anh H muốn chị T cho anh thêm cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì anh còn thương chị T, muốn con có đủ tình thương của cha mẹ nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay, anh H không có thiện chí hay bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn đoàn tụ nên chị T cương quyết xin ly hôn với H. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và

anh H đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Bùi Hoàng V, sinh ngày: 05/6/2019 và Bùi Hoàng N, sinh ngày: 18/5/2021. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, yêu cầu anh H nuôi dưỡng cháu V.

Xét thấy, hiện cháu N dưới 36 tháng tuổi và đang sống với chị T từ khi chị T và anh H sống ly thân cho đến nay, chị T cũng đảm bảo điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cháu V sống cùng với anh H từ khi chị T và anh H sống ly thân cho đến nay. Đồng thời, anh H cho rằng trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh sẽ tiếp tục nuôi dưỡng cháu V. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là cháu Bùi Hoàng N cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là cháu Bùi Hoàng V cho anh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T, anh H không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H cùng trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Bùi Thanh H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Bích T và anh Bùi Thanh H có hai con chung tên Bùi Hoàng V, sinh ngày: 05/6/2019 và Bùi Hoàng N, sinh ngày: 18/5/2021.

Chị Trần Thị Bích T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Hoàng N. Ghi nhận chị Trần Thị Bích T không yêu cầu anh Bùi Thanh H cấp dưỡng cho con.

Anh Bùi Thanh H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Hoàng V. Ghi nhận anh Bùi Thanh H không yêu cầu chị Trần Thị Bích T cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Trần Thị Bích T, anh Bùi Thanh H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Bích T, anh Bùi Thanh H có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bích T và anh Bùi Thanh H không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Bích T và anh Bùi Thanh H không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001153 ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã HM;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.